

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2018/HS-ST
Ngày 10-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Tú Vinh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hồ Văn Tư**

Ông **Ngô Tiến Thành**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Võ Thu Thủy** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Mỹ Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 293/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2018/QĐXXST-HS, ngày 05/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2018/HSST-QĐ, ngày 28/9/2018 đối với bị cáo:

Bùi Văn T (tên gọi khác: **B**); sinh năm 1981 tại Khánh Hòa; nơi đăng ký thường trú: Không có; nơi ở: Không có nơi ở ổn định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn K và bà Lê Thị Th; có vợ tên Nguyễn Thị Thúy H; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 133 ngày 21/6/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa tuyên phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/11/2007; nhân thân:

- Bản án số 123 ngày 01/8/2001 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang tuyên phạt 24 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/6/2002.

- Quyết định số 1486/QĐ-UB ngày 27/6/1997 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa áp dụng biện pháp “Đưa vào trường giáo dưỡng” Th hạn 24 tháng. Chấp hành xong ngày 30/4/1999.

- Quyết định số 2060/QĐ ngày 14/3/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang áp dụng biện pháp “Đưa vào cơ sở chữa bệnh” Th hạn 24 tháng. Chấp hành xong ngày 08/6/2005.

- Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 24/01/2000 của UBND tỉnh Khánh Hòa áp dụng biện pháp “Đưa vào cơ sở giáo dục” Th hạn 24 tháng. Bùi Văn T chưa chấp hành biện pháp này.

- Quyết định số 12806/QĐ-CT-UBND ngày 25/10/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang áp dụng biện pháp “Đưa vào cơ sở chữa bệnh” Th hạn 24 tháng. Chấp hành xong ngày 12/02/2015.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06 tháng 12 năm 2017 đến nay; có mặt.

* Bị hại: Bà **Nguyễn Thị Kim L**; sinh năm 1981; trú tại: đường N, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

* Người làm chứng: Ông **Lê Minh Th** và bà **Trần Thị Thu H**

Cùng trú tại: Số 17 tổ 8 đường T, phường V, thành phố N, Khánh Hòa.

Ông Th và bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 02 tháng 12 năm 2017, Bùi Văn T mang theo 01 con dao thái lan dài khoảng 20 cm đi đến đường T, phường V, thành phố N. Khi đi đến tiệm vàng A, T phát hiện chị Nguyễn Thị Kim L đang mua vàng trong tiệm nên T đi vào trong tiệm vàng, cầm dao đưa vào phần gáy của chị L, chị L quay lại nhìn thấy T đang cầm dao nên hoảng sợ, tránh vào phía trong tiệm, còn T vẫn cầm dao tiếp tục đứng ngoài cửa tiệm vàng. Lúc này, chị L biết T dùng dao uy hiếp mình là để xin tiền nên lấy 200.000 đồng, nhờ anh Lê Minh Th (chủ tiệm vàng) đưa cho T. T chê ít và nói “Sao nửa năm mới gặp mà cho có 200.000 đồng”. Chị L không dám đi ra, vẫn đứng ở gần cầu thang của tiệm vàng, mượn của anh Th 500.000 đồng và nhờ anh Th đưa cho T. T lấy tiền và tiếp tục đe dọa bà L “Có ngày tui giết bà” rồi bỏ đi. Sau đó, T ném con dao trên đường đi, còn số tiền 500.000 đồng T mua ma túy và sử dụng hết.

Tại bản Cáo trạng số 166/CT-VKSNT ngày 30/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đã truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 135 BLHS 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự 1999; xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Th gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 06/12/2017).

- Về trách nhiệm dân sự: Tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu của người bị hại.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn T lúc đầu quanh co chối tội, sau đó đã thành khẩn khai nhận: Vào lúc khoảng 18 giờ, ngày 02/12/2017, khi đi ngang tiệm vàng A tại khu vực T, bị cáo thấy chị L đang đứng trong tiệm vàng nên bị cáo đi vào, trên

tay cầm một con dao thái lan. Bị cáo dơ dao vào phía sau gáy của chị L, chị L quay lại nhìn thấy bị cáo cầm dao thì hoảng sợ né trong cầu thang phía trong tiệm vàng, còn bị cáo vẫn cầm dao đứng ở cửa tiệm vàng. Sau đó chị L lấy 200.000 đồng nhờ anh Th (chủ tiệm vàng) đưa cho bị cáo, nhưng vì bị cáo đang cơn nghiện ma túy và biết rõ 200.000 đồng không mua được 01 tép heroin nên bị cáo nói với chị L “Sao nửa năm mới gặp mà cho có 200.000 đồng” thì chị L nhờ anh Th đưa cho bị cáo 500.000 đồng. Bị cáo lấy tiền và bỏ đi. Bị cáo không tranh luận, chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an thành phố Nha Trang và Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người bị hại, người làm chứng trong vụ án, tuy nhiên những người này lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về trách nhiệm hình sự:

Lời khai nhận về hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo cầm dao đưa vào gáy của chị L làm chị L hoảng sợ tránh vào phía trong tiệm vàng, sau đó bị cáo vẫn tiếp tục cầm dao đứng ở cửa tiệm vàng làm cho chị L hoảng sợ phải đưa tiền cho bị cáo là thỏa mãn dấu hiệu đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần nhằm chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Bị cáo là người có đầy đủ nhận thức và điều khiển hành vi, có đầy đủ sức khỏe nhưng không chịu lao động mà cố ý thực hiện hành vi phạm tội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Vì vậy, có đủ căn cứ để xác định bị cáo đã phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[4]. Tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét các tình tiết về nhân thân, tiền án của bị cáo:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 123/HSST ngày 01/8/2001 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã xử phạt bị cáo Bùi Văn T 02 năm tù về hành vi “Cố ý gây thương tích”; buộc bị cáo phải liên đới bồi thường cho người bị hại 3.600.000 đồng; buộc bị cáo phải nộp 50.000 đồng tiền án phí HSST và 60.000 đồng tiền án phí DSST. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Pháp lệnh Thi hành án dân sự năm 1993

về thời hiệu thi hành án trong trường hợp chủ động ra quyết định thi hành án và điểm d.1 mục 11 Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP, ngày 08/4/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về xóa án tích thì *“Đã hết thời hiệu thi hành án đối với quyết định về tài sản trong bản án hình sự, nếu hết thời hạn quy định tại Điều 21 Pháp lệnh Thi hành án dân sự mà không có trở ngại khách quan, nhưng người được thi hành án không có đơn gửi cơ quan thi hành án để yêu cầu thi hành án hoặc trong trường hợp Thủ trưởng cơ quan thi hành án phải chủ động ra quyết định thi hành án, nhưng đã không ra quyết định thi hành án”*. Theo kết quả xác minh thì bị cáo T chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/6/2002; về trách nhiệm bồi thường cho người bị hại, đến nay đã hết thời hiệu thi hành án; về nghĩa vụ nộp tiền án phí: Bị cáo đã được xét miễn thi hành án đối với số tiền 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo tinh thần của Nghị quyết số 24/2008/QH12, ngày 14/11/2018 và Thông tư liên tịch số 07/2010/TTLT về miễn thi hành án đối với các khoản thu cho ngân sách Nhà nước có giá trị không quá 500.000 đồng, còn 60.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm thì chưa có quyết định thi hành án là do lỗi của Cơ quan Thi hành án dân sự. Như vậy bản án này của bị cáo đã được xóa án tích nên chỉ xác định là nhân thân.

- Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2007/HSST ngày 05/4/2007 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang và bản án hình sự phúc thẩm số 133/2007/HSPT của Tòa án tỉnh Khánh Hòa đã quyết định: xử phạt bị cáo Bùi Văn T 09 tháng tù về hành vi “Trộm cắp tài sản”; buộc bị cáo T phải nộp lại số tiền 405.000 đồng để sung quỹ Nhà nước và phải nộp 50.000 đồng tiền án phí HSST. Theo quy định tại Điều 22 và khoản 4 Điều 25 Pháp lệnh Thi hành án dân sự năm 2004 thì không áp dụng thời hiệu đối với trường hợp Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án (án phí, truy thu tiền, tài sản thu lợi bất chính...). Kết quả xác minh thể hiện: Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/11/2007; số tiền 405.000 đồng sung quỹ Nhà nước và 50.000 đồng tiền án phí HSST Cơ quan Thi hành án chưa ra quyết định Thi hành án. Như vậy bản án này đối với bị cáo T chưa được xóa án tích.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương; bị cáo có 01 tiền án nên thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999; ngoài ra bị cáo có nhân thân rất xấu: là đối tượng nghiện ma túy, bị kết án 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, đã được xóa án tích; nhiều lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính vì hành vi vi phạm pháp luật. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy phải xử phạt bị cáo mức hình phạt thật nghiêm khắc, tương xứng với mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, cải tạo và phòng ngừa chung cho xã hội. Quá trình điều tra và truy tố bị cáo quanh co chối tội. Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại Nguyễn Thị Kim L vắng mặt tại phiên tòa, không có yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự nên tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[6]. Về án phí: Bị cáo Bùi Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 135; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo **Bùi Văn T 02 (hai) năm tù** về tội “**Cưỡng đoạt tài sản**”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 06/12/2017).

2. Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Tách ra để giải quyết sau theo thủ tục tố tụng dân sự khi có đơn yêu cầu về trách nhiệm dân sự của người bị hại Nguyễn Thị Kim L.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí tòa án;

Buộc bị cáo Bùi Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Nha Trang
- Công an TP. Nha Trang
- THADS TP. Nha Trang
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- Nhà tạm giữ Công an TP. Nha Trang
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Thị Tú Vinh